

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2805/BTC-CST
V/v xin ý kiến dự thảo Thông tư
thu lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã,
số viễn thông

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Hội Truyền thông số Việt Nam;
- Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam;
- Hiệp hội Internet Việt Nam.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 3329/BTTTT-KHHC ngày 14/8/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất ban hành Thông tư thu lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư thu lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông (gửi kèm dự thảo Thông tư).

Đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia đối với dự thảo Thông tư.

Ý kiến xin gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí) trước ngày 21/3/2025.

(Thông tin liên hệ: ông Đặng Văn Vang, chuyên viên Phòng Phí, lệ phí, Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí. Số điện thoại di động: 0987323258, địa chỉ hòm thư điện tử: dangvanvang@mof.gov.vn)

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý cơ quan.!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; | Để đăng dự thảo
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính; | Thông tư xin ý kiến
- Lưu: VT, Cục CST (P5) (86)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn

Số: /2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý
và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông**

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 21 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được phân bổ, sử dụng mã, số viễn thông; cơ quan nhà nước phân bổ mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thu, nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.

Điều 2. Người nộp phí, lệ phí

1. Người nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông là các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được phân bổ, sử dụng mã, số viễn thông theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông: Người nộp phí, lệ phí là bên nhận chuyển nhượng.

3. Trường hợp chuyển mạng giữ nguyên số thuê bao viễn thông: Người nộp phí là doanh nghiệp nhận chuyển đến.

Điều 3. Tổ chức thu phí, lệ phí

Cơ quan nhà nước phân bổ mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông là tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Mức thu phí, lệ phí

Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.

Điều 5. Đối tượng miễn phí, lệ phí

1. Miễn thu lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông đối với những đối tượng sau:

a) Mạng viễn thông dùng riêng của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng.

b) Mạng thông tin liên lạc phục vụ phòng chống thiên tai và hoạt động nhân đạo.

c) Mạng viễn thông dùng riêng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

d) Mạng viễn thông dùng riêng của các cơ quan và tổ chức quốc tế tại Việt Nam được hưởng quy chế miễn trừ ngoại giao.

2. Thuê bao di động H2H trúng đấu giá.

Điều 6. Kê khai, nộp phí, lệ phí

1. Người nộp phí, lệ phí nộp lệ phí phân bổ mã, số viễn thông khi được phân bổ, nộp phí sử dụng mã, số viễn thông theo quý, chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của quý tiếp theo phải nộp, theo hình thức quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ

Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

Trường hợp được phân bổ mã, số viễn thông mới, phân bổ bổ sung từ quý nào thì việc kê khai, nộp phí tính từ quý được phân bổ.

2. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí nộp toàn bộ số phí thu được của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, thu, nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC.

Điều 7. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được để lại 5% số phí thu được. Tổ chức thu phí nộp 95% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, tiêu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Số tiền phí thu được để lại quy định tại khoản 1 Điều này được quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

3. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ thì phải nộp toàn bộ tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 268/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông và Thông tư số 32/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 268/2016/TT-BTC.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ; Luật Quản lý thuế; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Chi cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Cục CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

**BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ PHÂN BỐ VÀ PHÍ SỬ DỤNG
MÃ, SỐ VIỄN THÔNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BTC
ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A. LỆ PHÍ PHÂN BỐ MÃ, SỐ VIỄN THÔNG

Số TT	Đối tượng chịu lệ phí	Mức thu (đồng/lần)
1	Mã, số viễn thông phân bố	350.000

B. PHÍ SỬ DỤNG MÃ, SỐ VIỄN THÔNG

Số TT	Đối tượng chịu phí	Mức thu (đồng/năm)
1	Số thuê bao (tính theo số khả dụng)	
1.1	Số thuê bao mạng cố định mặt đất	300/số/tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
1.2	Số thuê bao mạng di động mặt đất (H2H)	
a	Từ 8 triệu số trở xuống	1.000
b	Trên 8 triệu số đến 32 triệu số	2.000
c	Trên 32 triệu số đến 64 triệu số	3.000
d	Trên 64 triệu số	4.000
1.3	Thuê bao mạng cố định vệ tinh	1.000
1.4	Thuê bao IP Phone	1.000
1.5	Thuê bao mã mạng di động mặt đất (M2M)	800
2	Mã nhà khai thác	
2.1	Đối với 3 chữ số	100.000.000
2.2	Đối với 4 chữ số	50.000.000
2.3	Đối với 5 chữ số	25.000.000
3	Mã mạng di động	
3.1	Đối với 2 chữ số	500.000.000
3.2	Đối với 3 chữ số	50.000.000
4	Mã dịch vụ	

4.1	Đối với 3 chữ số	1.000.000.000
4.2	Đối với 4 chữ số	100.000.000
4.3	Đối với 5 chữ số	50.000.000
5	Số dịch vụ nội vùng	
5.1	Dịch vụ nội vùng 4 chữ số	50.000.000
5.2	Dịch vụ nội vùng 5 chữ số	10.000.000
5.3	Dịch vụ nội vùng từ 6 chữ số trở lên	5.000.000
6	Số dịch vụ toàn quốc	
6.1	Dịch vụ toàn quốc 4 chữ số	200.000.000
6.2	Dịch vụ toàn quốc 5 chữ số	20.000.000
6.3	Dịch vụ toàn quốc 6 chữ số	2.000.000
6.4	Dịch vụ toàn quốc 7 chữ số	1.000.000
6.5	Dịch vụ toàn quốc từ 8 chữ số trở lên	500.000
7	Số dịch vụ tin nhắn ngắn (SMS)	
7.1	Dịch vụ nhắn tin ngắn 3 chữ số	500.000.000
7.2	Dịch vụ nhắn tin ngắn 4 chữ số	50.000.000
7.3	Dịch vụ nhắn tin ngắn 5 chữ số	10.000.000
7.4	Dịch vụ nhắn tin ngắn 6 chữ số	5.000.000
8	Mã nhận dạng mạng số liệu (DNIC)	50.000.000
9	Mã điểm báo hiệu	
9.1	Mã điểm báo hiệu quốc tế	40.000.000
9.2	Mã điểm báo hiệu quốc gia	20.000
10	Mã nhận dạng mạng di động (MNC)	50.000.000

Ghi chú: Không thu phí, lệ phí đối với các số dịch vụ khẩn cấp, số dịch vụ đo thử và số dịch vụ hỗ trợ khách hàng bắt buộc: 113, 114, 115, 100117, 100118, 116, 119./.

THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông

(Kèm theo công văn số 2085/BTC-CST ngày 10/3/2025 của Bộ Tài chính)

Bộ Tài chính nhận được công văn số 3329/BTTTT-KHTC ngày 14/8/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) gửi kèm Đề án thu lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông (sau đây gọi tắt là Đề án).

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

Căn cứ Luật Phí và lệ phí, trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ (KHCCN), Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 268/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông và Thông tư số 32/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 268/2016/TT-BTC (Thông tư 268 và Thông tư 32).

a) Ngày 24/11/2023, Quốc hội đã ban hành Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 (thay thế Luật Viễn thông năm 2009). Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024 và có một số thay đổi so với pháp luật viễn thông trước đây. Trong đó, đã cho phép tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được:

- (1) Tham gia đấu giá tài nguyên viễn thông (số, mã viễn thông).
- (2) Thuê, cho thuê, chuyển nhượng quyền sử dụng tài nguyên viễn thông theo quy định của pháp luật.
- (3) Lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ viễn thông có chất lượng tốt với chi phí hợp lý (chuyển mạng giữ nguyên số thuê bao).
- (4) Miễn thu phí sử dụng số thuê bao di động trùng đầu giá.

Các nội dung nêu trên chưa được quy định trong Thông tư 268 và Thông tư 32, dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý để xác định người nộp phí, đối tượng chịu phí sử dụng mã, số viễn thông trong trường hợp các tài nguyên viễn thông này được cho thuê, chuyển nhượng quyền sử dụng hoặc chuyển đổi nhà mạng.

Việc thu phí sử dụng số viễn thông đối với số thuê bao di động do trùng đầu giá theo quy định hiện hành là chưa phù hợp với Luật Viễn thông năm 2023.

Để thực hiện Luật Viễn thông năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Từ nội dung nêu trên, để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật Viễn thông năm 2023 và văn bản quy định chi tiết thi hành Luật này thì việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư 268 và Thông tư 32 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

Việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư 268 và Thông tư 32 bảo đảm:

- Đồng bộ, thống nhất với pháp luật về viễn thông; phí, lệ phí; ngân sách nhà nước và quản lý thuế.
- Nội dung quy định rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện.
- Kế thừa quy định hiện hành đang hiệu quả, bảo đảm khả thi trong thực hiện.

III. CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THÔNG TƯ

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Quy định tại Thông tư 268

Tại Điều 1 Thông tư 268 quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng như sau:

- Phạm vi điều chỉnh: *Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.*

- Đối tượng áp dụng: *Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động viễn thông và được phân bổ mã, số viễn thông; Bộ TTTT, Cục Viễn thông và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thu, nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.*

1.2. Ý kiến Bộ Tài chính

Quy định trên hiện vẫn cơ bản phù hợp với Luật Phí và lệ phí và Luật Viễn thông năm 2023 và văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, do Luật Viễn thông cho phép cả cá nhân tham gia đấu giá số thuê bao viễn thông (mà không cần được cấp giấy phép hoạt động viễn thông). Vì vậy, để đồng bộ với Luật Viễn thông năm 2023 và trên cơ sở Đề án của Bộ KH-CN, tại Điều 1 dự thảo Thông tư hoàn chỉnh lại quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được phân bổ mã, số viễn thông; cơ quan nhà nước phân bổ mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thu, nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.”

2. Về người nộp phí, lệ phí

2.1. Quy định tại Thông tư 268

Tại Điều 2 Thông tư 268 quy định: “Người nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông là các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động viễn thông được phân bổ mã, số viễn thông theo quy định tại Thông tư này.”

2.2. Ý kiến của Bộ Tài chính

- Tại khoản 2 Điều 50 Luật Viễn năm 2023 thông quy định: “Việc phân bổ mã, số viễn thông được thực hiện theo một trong các phương thức sau đây:

a) Đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông đối với mã mạng viễn thông di động mặt đất dùng cho phương thức giao tiếp giữa người với người (sau đây gọi là mã mạng di động H2H), số thuê bao viễn thông dùng cho dịch vụ viễn thông di động mặt đất thực hiện phương thức giao tiếp giữa người với người (sau đây gọi là số thuê bao di động H2H), số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, số dịch vụ giải đáp thông tin;

b) Phân bổ trực tiếp đối với mã, số viễn thông quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 49 của Luật này, mã, số viễn thông không thuộc quy định tại điểm a khoản này. Việc phân bổ trực tiếp được thực hiện theo nguyên tắc tổ chức, doanh nghiệp đăng ký trước được xét phân bổ trước.”

Ngoài ra, Luật Viễn thông năm 2023 có bổ sung một số quy định mới, trong đó cho phép tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đã được phân bổ, sử dụng mã, số viễn thông được: chuyển nhượng quyền sử dụng tài nguyên viễn thông được phân bổ theo quy định của pháp luật; chuyển mạng giữ nguyên số thuê bao (lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ viễn thông có chất lượng tốt với chi phí hợp lý).

Như vậy, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được phân bổ, sử dụng mã, số viễn thông là người nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng loại tài nguyên viễn thông này. Trường hợp chuyển nhượng mã, số viễn thông đã được phân bổ thì người nộp phí là bên nhận chuyển nhượng. Trường hợp chuyển mạng giữ nguyên số thuê bao thì người nộp phí là nhà mạng chuyên đến.

Vì vậy, để phù hợp với quy định của Luật Viễn thông năm 2023, trên cơ sở Đề án của Bộ KHCN và để đảm bảo bao quát các trường hợp được phân bổ, sử dụng mã, số viễn thông phát sinh theo quy định của Luật Viễn thông và văn bản quy định chi tiết thi hành Luật này, tại Điều 2 dự thảo Thông tư quy định người nộp phí, lệ phí như sau:

“Điều 2. Người nộp phí, lệ phí

1. Người nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông là các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được phân bổ, sử dụng mã, số viễn thông theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông: Người nộp phí là bên nhận chuyển nhượng.

3. Trường hợp chuyển mạng giữ nguyên số thuê bao viễn thông: Người nộp phí là doanh nghiệp nhận chuyển đến.”

3. Về tổ chức thu phí, lệ phí

3.1. Quy định tại Thông tư 268

Tại Điều 3 Thông tư 268 quy định: “Cục Viễn thông (trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông) là tổ chức thu phí và lệ phí theo quy định tại Thông tư này.”

3.2. Ý kiến của Bộ Tài chính

Trong thời gian qua, Chính phủ đã ban hành một số Nghị định thay đổi chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các Bộ, các Bộ đã ban hành Quyết định thay đổi chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của một số đơn vị thuộc Bộ. Theo đó, tên gọi của một số đơn vị thuộc Bộ, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ thu phí, lệ phí đã thay đổi.

Vì vậy, để đảm bảo tính ổn định của văn bản QPPL, tránh trường hợp khi có văn bản quy định thay đổi tên tổ chức thu phí, lệ phí lại phải sửa Thông tư, thống nhất với quy định pháp luật về viễn thông và đồng bộ với các Thông tư về phí và lệ phí được ban hành trong năm 2024, tại Điều 3 dự thảo Thông tư quy định tổ chức thu phí tại Điều 3 dự thảo Thông tư theo hướng không đề cập đến tên cụ thể tổ chức thu phí, lệ phí mà viện dẫn theo quy định của pháp luật chuyên ngành viễn thông như sau:

“Cơ quan nhà nước phân bổ mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông là tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư này.”

4. Về đối tượng miễn phí, lệ phí

4.1. Quy định tại Thông tư 268

Tại Điều 5 Thông tư 268 quy định: “Miễn thu lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông đối với những đối tượng sau:

1. Mạng viễn thông dùng riêng của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng.
2. Mạng thông tin liên lạc phục vụ phòng chống thiên tai và hoạt động nhân đạo.
3. Mạng viễn thông dùng riêng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.
4. Mạng viễn thông dùng riêng của các cơ quan và tổ chức quốc tế tại Việt Nam được hưởng quy chế miễn trừ ngoại giao.”

4.2. Ý kiến của Bộ Tài chính

Quy định miễn thu lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông đối với các đối tượng nêu trên thực hiện ổn định từ nhiều năm qua, không phát sinh vướng mắc. Đây là những mạng viễn thông dùng riêng (có tính năng chuyên biệt) phục vụ cho các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng và mục đích công cộng, không nhằm mục đích kinh doanh.

Tương tự với việc miễn thu lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông, hiện nay, “*tần số vô tuyến điện*” đang cấp cho các đài vô tuyến thuộc cơ quan công an, quốc phòng; cơ quan Đảng, Nhà nước; cơ quan ngoại giao;... cũng được miễn nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng (tại Thông tư số thu phí, lệ phí số 11/2022/TT-BTC ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện).

- Tại điểm d khoản 9 Điều 50 Luật Viễn thông năm 2023 quy định: “*Người trúng đấu giá số thuê bao di động H2H được miễn phí sử dụng mã, số viễn thông.*”

Đề phù hợp với Luật Viễn thông năm 2023, trên cơ sở đề xuất của Bộ KHCN, tại Điều 5 dự thảo Thông tư giữ các nội dung miễn phí, lệ phí như Điều 5 Thông tư 268 (do việc thực hiện các nội dung này không gặp vướng mắc) và bổ sung quy định miễn thu phí sử dụng mã, số viễn thông đối với người trúng đấu giá số thuê bao di động H2H.

5. Về mức thu phí, lệ phí

5.1. Quy định tại Thông tư 32

Mức thu lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông hiện được quy định chi tiết tại Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư 32. Bộ KHCN đề nghị giữ như quy định hiện hành.

5.2. Ý kiến của Bộ Tài chính

Theo đánh giá của Bộ KHCN, với mức thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư 32 vẫn đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý, cung cấp dịch vụ viễn thông và các doanh nghiệp sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ phí, lệ phí. Do đó, giữ mức thu lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông như quy định hiện hành tại Biểu mức thu phí, lệ phí kèm theo dự thảo Thông tư.

6. Về kê khai, nộp phí, lệ phí

6.1. Quy định tại Thông tư 268

Tại Điều 6 Thông tư 268 quy định về kê khai, nộp phí, lệ phí như sau:

“1. *Tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ và sử dụng mã, số viễn thông kê khai, nộp phí sử dụng mã, số viễn thông theo quý, chậm nhất là ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ mã, số viễn thông mới, phân bổ bổ sung từ quý nào thì việc kê khai, nộp phí tính từ quý được phân bổ.*

2. *Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.*

3. *Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai phí, lệ phí theo tháng, quyết toán theo năm theo quy định tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư*

số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.”

6.2. Ý kiến của Bộ Tài chính

Tại khoản 2 Điều 11 Luật Phí và lệ phí quy định: “Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh.”

Việc kê khai, nộp phí sử dụng mã, số viễn thông theo quý đang được thực hiện ổn định và không phát sinh vướng mắc trong thời gian qua. Trên cơ sở đề xuất của Bộ KHCN, dự thảo Thông tư giữ nội dung quy định về kê khai, nộp phí như quy định hiện hành tại Thông tư 268 và bổ sung quy định về hình thức nộp phí tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính tại Điều 6 dự thảo Thông tư để đảm bảo đồng bộ.

7. Về quản lý sử dụng phí

7.1. Quy định tại Thông tư 32 và đề xuất của Bộ KHCN

- Tại Thông tư 32 quy định tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí (Cục Viễn thông) là 35%.

- Bộ TTTT đề nghị điều chỉnh giảm tỷ lệ để lại cho tổ chức thu phí nêu trên từ 35% xuống còn 30%, trên cơ sở:

b) Tình hình thực hiện giai đoạn 2021 - 2023

Tình hình thực hiện thu, chi từ nguồn phí sử dụng mã, số viễn thông của Cục Viễn thông giai đoạn 2021 - 2023, theo số liệu (đã quyết toán) Bộ KHCN cung cấp như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng số phí thu được	692,3	721,2	710,8
2	Số phí nộp NSNN + số nộp bổ sung	524,5	468,8	551,5
3	Số tiền phí được để lại	167,7	252,4	159,3
4	Số thực chi theo quy định	32,4	163,5	97,1
5	Tỷ lệ chi/số phí thu được	4,68%	22,7%	13,6%

Như vậy, trong 03 năm qua, số tiền phí sử dụng mã, số viễn thông mà Cục Viễn thông được để lại có dư và được kết chuyển sang năm sau sử dụng. Qua kiểm toán định kỳ hàng năm, đến cuối năm 2023, cơ quan kiểm toán đã có kiến nghị (Thông báo số 18/KTNN-TH ngày 02/02/2024) và Cục Viễn thông đã thực hiện nộp NSNN 236,6 tỷ đồng, đồng thời cho phép đơn vị chuyển 156,5 tỷ đồng sang năm 2024 để chi cho các nhiệm vụ phát sinh (trong đó: 128,3 tỷ đồng đã được phê duyệt nhiệm vụ chi và 28,1 tỷ đồng đang chờ phê duyệt cụ thể).

Theo Bộ KH-CN, việc còn một số nhiệm vụ chưa kịp chi từ nguồn thu phí để lại vì ảnh hưởng của đại dịch Covid nên nhiều nhiệm vụ không thực hiện được như: hợp tác quốc tế, đo kiểm chất lượng dịch vụ, chi đi thanh kiểm tra và một số hoạt động nghiệp vụ khác chưa thể triển khai; đặc biệt là nhiệm vụ chi cho hệ thống thiết bị, máy móc, hệ điều hành của phòng Lab phục vụ cho yêu cầu quản lý chuyển đổi số quốc gia và ứng dụng công nghệ mới đang chờ thực hiện do chưa lựa chọn được giải pháp tối ưu và nhà cung cấp tin cậy để đảm bảo hiệu suất khai thác.

c) Dự kiến nhu cầu thực hiện giai đoạn 2024 - 2026

- Dự kiến số thu từ nguồn thu phí này của Cục Viễn thông giai đoạn 2024-2026 là 2073 tỷ đồng (khoảng 691 tỷ đồng/năm).

- Nhu cầu chi cho các nhiệm vụ tổ chức thu phí như sau:

+ Năm 2024, nhiệm vụ chi đã được phê duyệt chi (tại Quyết định số 2581/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 và Quyết định số 1016/QĐ-BTTTT ngày 21/6/2024 của Bộ TTTT trước đây) với tổng số tiền phí được để lại là 241,8 tỷ đồng và được giao chi là 211,5 tỷ đồng, tương đương 30% số phí dự kiến thu được trong năm.

+ Năm 2025, 2026, nhu cầu chi cho tổ chức thu phí là 207,3 tỷ đồng/năm, tương đương 30% số phí dự kiến thu được trong năm. Ngoài các nhiệm vụ chi có tính thường xuyên, ổn định trong thời gian qua, tới đây, do Luật Viễn thông mới được Quốc hội ban hành năm 2023 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024) và đang chờ Chính phủ ban hành các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật này với nhiều chính sách mới phát sinh nhu cầu bố trí kinh phí lớn cho các nhiệm vụ như: (i) Thuê dịch vụ niêm yết, đấu giá mã, số viễn thông; (ii) Hệ thống hạ tầng, kỹ thuật quản lý mã, số viễn thông sau đấu giá; (iii) xây dựng phòng Lab trọng điểm về viễn thông; (iv) Hệ thống hạ tầng, kỹ thuật quản lý dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, phát triển hạ tầng viễn thông, thiết bị phục vụ đo kiểm chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông...

Số phí để lại dự kiến được chi cho các nhiệm vụ:

+ Chi thanh toán cá nhân: 11,1 tỷ đồng.

+ Chi hàng hóa, dịch vụ: 189,0 tỷ đồng. Trong đó, riêng phần chi để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh được giao trong Luật Viễn thông năm 2023 như: Thuê dịch vụ đấu giá mã, số viễn thông; Quản lý các mã, số viễn thông sau đấu giá; Công tác quản lý các dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây,

dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet quản lý, phát triển hạ tầng viễn thông, triển khai các công cụ phục vụ đo kiểm nâng cao chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông, quản lý sản phẩm hàng hóa viễn thông lưu thông trên thị trường là 174,0 tỷ đồng/năm. Đây là khoản chi có tính không thường xuyên.

+ Chi mua sắm, sửa chữa: 6,1 tỷ đồng.

+ Chi khác: 0,96 tỷ đồng.

7.2. Ý kiến của Bộ Tài chính

- Tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí (sửa đổi, bổ sung khoản khoản 3 Điều 5 Nghị định số 120/NĐ-CP) quy định: *“Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù theo quy định riêng của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ, tiền phí để lại được sử dụng theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ cho tới khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.”*

Trường hợp cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định riêng của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ, tiền phí để lại được sử dụng theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ.”

- Tại Quyết định số 39/2017/QĐ-TTg ngày 15/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng cơ chế tài chính đối với Cục Viễn thông quy định:

“Điều 1. Cục Viễn thông được áp dụng cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 /02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 2. Cục Viễn thông được sử dụng nguồn thu phí được để lại để chi cho các hoạt động của Cục, trong đó có: chi đầu tư; chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị; chi bổ sung thu nhập cho người lao động; chi các nhiệm vụ đặc thù theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cục Viễn thông.”

- Tại điểm b, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 quy định:

“Từ ngày 01/7/2024: Bãi bỏ tất cả các cơ chế quản lý tài chính, thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước; áp dụng chế độ tiền lương, phụ cấp, thu nhập thống nhất. Không tiếp tục áp dụng cơ chế đặc thù hiện hành đối với phần kinh phí thường xuyên theo cơ chế quản lý tài chính đặc thù (chi hoạt động, tăng cường năng lực, hiện đại hóa, đảm bảo hoạt động chuyên môn,...) của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước. Giao Chính phủ tổ chức thực hiện và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 8.”

- Tại điểm 6.1.c Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV quy định: *“Đối với các cơ quan, đơn vị đang được áp dụng các cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương, Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát toàn bộ khung khổ pháp lý để trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi hoặc bãi bỏ cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù của các cơ quan, đơn vị đang được thực hiện cho phù hợp trước ngày 31/12/2024.”*

Căn cứ quy định nêu trên và trên cơ sở thực tế thu, chi của tổ chức thu phí giai đoạn 2021 - 2023 và dự kiến thực hiện giai đoạn 2024 – 2026 mà Bộ KHCN cung cấp thì:

- Dự kiến số thu phí giai đoạn 2024-2026 khoảng 691 tỷ đồng/năm.

- Nhu cầu chi cho các nhiệm vụ tổ chức thu phí (có tính chất thường xuyên) khoảng 33,3 tỷ đồng/năm.

- Nhu cầu chi cho các nhiệm vụ khác (có tính không thường xuyên, chi theo cơ chế tài chính đặc thù) khoảng 174 tỷ đồng/năm.

Vì vậy, sau khi loại trừ các khoản chi liên quan đến cơ chế tài chính đặc thù (174 tỷ đồng/năm) và trên cơ sở số phí dự kiến thu được, dự thảo Thông tư quy định tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí là 5% ($33,3 \text{ tỷ đồng} / 691,0 \text{ tỷ đồng} = 4,8\%$).

8. Về một số nội dung khác

a) Các nội dung còn lại về kê khai, nộp phí, lệ phí của người nộp, tổ chức thu trong quy định hiện hành còn phù hợp, trích dẫn các văn bản QPPL có nội dung liên quan đến việc thu, nộp phí, lệ phí đã được rà soát, hoàn chỉnh vào dự thảo Thông tư.

b) Về trình tự, thủ tục ban hành Thông tư

Để kịp triển khai thực hiện Luật Viễn thông năm 2023 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024) và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật này, trên cơ sở đề xuất của Bộ KHCN, Bộ Tài chính đã có công văn số 10548/BTC-CST ngày 02/10/2024 báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành Thông tư thay thế Thông tư 268 và Thông tư 32 theo trình tự, thủ tục rút gọn.

V. VỀ NGUỒN LỰC, TÀI CHÍNH THỰC HIỆN VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Dự thảo Thông tư chỉ sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho đồng bộ với pháp luật về viễn thông; hoạt động tổ chức thu, nộp phí, lệ phí vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện có của các cơ quan thực hiện; không phát sinh thêm nguồn nhân lực, tài chính cho việc tổ chức thực hiện Thông tư.

Dự thảo Thông tư không quy định thủ tục hành chính.

VI. VỀ ĐỀ ÁN THU PHÍ, LỆ PHÍ

Tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định: “*Đề án thu phí gồm: Phương thức cung cấp dịch vụ, thu phí; dự kiến mức thu, căn cứ xây dựng mức thu; đối tượng chịu phí; miễn, nộp phí; hiệu quả thu phí.*”. Theo đó, đề nghị Bộ KHCN có thêm ý kiến chi tiết về Đề án thu phí theo nội dung liên quan đến quy định tại Tại điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và đánh giá tác động NSNN trong trường hợp miễn phí sử dụng số thuê bao di động H2H trúng đấu giá.

BỘ TÀI CHÍNH